**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**

**MÔN: TIẾNG ANH 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe năm đoạn hội thoại/ 1.5 phút để trả lời dạng câu hỏi có liên quan đến các chủ đề đã học: thời gan, ngày tháng, vị trí… | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) chứa các thông tin liên quan đến 1 bữa tiệc: thời gian, địa điểm, số điện thoại…. | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Nắm được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.  - Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **1. Pronunciation**  Các phụ âm /w/ , /v/; các từ mang trọng âm trong câu. | **Nhận biết:**  - Nhận biết các từ mang trọng âm trong câu | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng vào bài nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Vocabulary**  Từ vựng đã học theo chủ điểm: food, appearance, clothes, activities…. | **Nhận biết:**  - Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Grammar**  Các chủ điểm ngữ pháp đã học: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, giới từ chỉ thời gian, trạng từ chỉ tần suất, there is/are… | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | 4 |  |  |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |  |
|  |  |  | **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng các kiến thức ngữ pháp đã học vào bài nghe/ đọc/ viết. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| III. | **READING** | **1. Cloze test**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm đã học: family members | Nhận biết:  Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| **2. Reading** comprehension  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ) về chủ điểm “My world” | **Nhận biết:**  Thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  Hiểu ý chính của bài đọc. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |
| IV. | **WRITING** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1. Sentence transformation**  Viết lại câu dùng từ gợi ý vận dụng các kiến thức đã học như:There is / there are, used to, preps of place… | **Thông hiểu:**  Sử dụng các từ ,cấu trúc đã học viết thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |
| **Vận dụng:**  Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi. |  |  |  |  |  | 3 |  |  |  | 3 |
| **2. Sentence Building**  Sử dụng gợi ý để viết đoạn văn nói về một sở thích của Lan | **Vận dụng cao:**  Sử dụng các từ, cụm từ đã cho để viết thành đoạn văn hoàn chỉnh. |  |  |  |  |  |  |  | 1 bài |  | 1 bài |
| Tổng | |  |  | ***18*** |  | ***13*** | 2 | ***4*** | ***3*** |  | **1 bài** | **35** | **5 câu+ 1 bài** |